TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 8 – CÀ MAU	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2025/DS - ST

Ngày: 31/12/2025

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Lệ Pha.

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2025/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Kim N, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, tỉnh C.
Bị đơn: Ông Phạm Hoàng P, sinh năm 1970;
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, tỉnh C.

(Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông P vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2025 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, bà Lưu Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Do vợ chồng mâu thuẫn, cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện ông bà đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân thì ông bà không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay bà xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Phạm Yến Nhi, sinh năm 1996, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lưu Kim N và ông Phạm Hoàng P là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Kim N phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Lưu Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ôngPhạm Hoàng P, có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã Đ, tỉnh C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

Chị Lưu Kim N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh Phạm Hoàng P vắng mặt không lý do lần thứ 02. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là không hợp pháp. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì Tòa án không giải quyết cho ông bà ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Con đã thành niên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Kim N phải nộp án phí số tiền 300.000đ, bà N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001127 ngày 07/10/2025 được chuyển thu án

phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lưu Kim N và ông Phạm Hoàng P là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Kim N phải nộp án phí số tiền 300.000đ, bà N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001127 ngày 07/10/2025 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Như Ý

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THA.DS Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu.